



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT 6 THÁNG 2009
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM LƯỢC (đã soát xét)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	NỘI DUNG	Ngày 30/06/2009	Ngày 31/12/2008
A	TÀI SẢN		
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	12.951.719.083.233	9.240.785.580.591
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.590.822.736.680	480.836.990.174
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	7.810.246.545.544	6.553.383.666.012
3	Các khoản phải thu	2.470.296.387.986	2.142.913.123.378
4	Hàng tồn kho	24.839.711.704	24.620.153.079
5	Tài sản ngắn hạn khác	55.513.701.319	39.031.647.948
II	CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC CHO KHÁCH HÀNG	751.592.039.596	
III	TÀI SẢN DÀI HẠN	15.709.242.809.396	16.076.789.827.355
1	Tài sản cố định	1.479.722.827.953	1.208.962.426.952
	Tài sản cố định hữu hình	479.364.500.638	449.320.961.350
	Tài sản cố định vô hình	497.469.157.879	460.102.383.374
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	502.889.169.436	299.539.082.228
2	Bất động sản đầu tư	23.448.947.000	23.448.947.000
3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14.153.403.067.103	14.787.789.134.320
4	Tài sản dài hạn khác	52.667.967.340	56.589.319.083
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	29.412.553.932.225	25.317.575.407.946
B	NGUỒN VỐN		
I	NỢ PHẢI TRẢ	20.005.085.087.650	16.526.705.083.134
1	Nợ ngắn hạn	1.720.358.838.628	1.039.136.692.088
2	Nợ dài hạn	57.077.215.946	47.074.847.732
3	Tiền gửi của khách hàng và các tổ chức tín dụng khác	1.643.368.146.833	
4	Dự phòng nghiệp vụ	16.584.280.886.243	15.440.493.543.314
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	8.117.613.425.982	8.301.511.202.912
1	Vốn chủ sở hữu	8.091.837.902.657	8.265.011.167.953
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.730.266.050.000	5.730.266.050.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	1.838.247.621.144	1.840.007.252.773
	- Cổ phiếu ngân quỹ	-	901.691.533
	- Chênh lệch tỷ giá	15.992.675.797	16.075.608.000
	- Quỹ đầu tư phát triển	8.580.855.569	8.609.458.421
	- Quỹ dự phòng tài chính	8.580.855.569	8.609.458.421
	- Quỹ dự trữ bắt buộc	30.157.667.977	17.067.266.899
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	460.012.176.601	643.474.381.906
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	25.775.523.325	36.500.034.959
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25.775.523.325	36.500.034.959
III	LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỐ	1.289.855.418.593	489.359.121.900
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	29.412.553.932.225	25.317.575.407.946

7/2



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2009 đến 30/06/2009	Cho giai đoạn tài chính từ 16/10/2007 đến 31/12/2008
1	Tổng doanh thu	4.976.216.506.115	11.808.547.621.206
1.1	Doanh thu hoạt động bảo hiểm	3.656.266.916.277	8.469.233.270.575
1.2	Doanh thu thuần hoạt động ngân hàng	54.243.195.237	-
1.3	Doanh thu hoạt động tài chính	1.207.269.273.487	3.293.074.253.306
1.4	Doanh thu khác	58.437.121.114	46.240.097.325
2	Tổng chi phí	(4.407.443.833.763)	(11.305.880.690.441)
2.1	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(2.847.678.181.765)	(7.072.691.456.950)
2.2	Chi phí quản lý liên quan đến hoạt động ngân hàng	(22.737.154.288)	-
2.3	Chi phí cho hoạt động đầu tư tài chính	(696.324.330.435)	(2.676.612.162.993)
2.4	Chi phí quản lý & chi phí bán hàng	(833.617.135.433)	(1.555.802.594.974)
2.5	Chi phí khác	(7.087.031.842)	(774.475.524)
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	568.772.672.352	502.666.930.765
4	Dự phòng bảo đảm cân đối	-	(1.929.207.757)
5	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(97.863.713.588)	(147.692.181.049)
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(27.488.765.294)
7	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	470.908.958.764	325.556.776.665
8	Lợi ích của cổ đông thiểu số	60.647.096.325	(203.923.817.627)
9	Lợi nhuận sau thuế của chủ sở hữu, Tập đoàn Bảo Việt	410.261.862.439	529.480.594.292

7/12